

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 718 /VIMICO – TCKT
V/v giải trình biến động kết quả SXKD
năm 2022 so với cùng kỳ; chênh lệch số liệu
trước và sau kiểm toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tổ chức đại chúng: Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP
2. Mã chứng khoán: KSV
3. Giải trình

3.1. Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP xin giải trình biến động kết quả SXKD so với cùng kỳ năm trước như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch
<i>BCTC Công ty mẹ</i>	694.745	57.001	-637.744
<i>BCTC hợp nhất toàn TCT</i>	1.084.395	202.063	-882.332

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ Tổng công ty năm 2022 giảm 637.744 trđ so với năm 2021.

Lợi nhuận sau thuế toàn TCT giảm 882.332 trđ so với năm 2021.

Nguyên nhân:

Mặc dù sản lượng tiêu thụ một số sản phẩm chính như đồng tấm, vàng, bạc đều tăng so với năm 2021, tuy nhiên lại tăng chủ yếu bắt đầu từ quý 3 khi giá bán xuống thấp, đặc biệt là đối với sản phẩm đồng.

Sản lượng tiêu thụ đồng tấm 6 tháng là 11.821 tấn nhưng kết thúc cả năm đạt 33.887T. Tuy nhiên, bắt đầu từ quý 3/2022, giá đồng tấm giảm sâu, 6 tháng cuối năm giá bán bình quân chỉ đạt 183 trđ/T. Giá bán bình quân cả năm là 196,8 tr/T, giảm 17,8 tr.T so với giá bình quân năm 2021.

Bên cạnh đó, các chi phí hầu hết đều tăng như: chi phí nguyên nhiên vật liệu (than cốc, xăng dầu, vật tư..), chi phí thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí khác, làm cho giá thành sản xuất các sản phẩm tăng cao.

Chi phí tài chính toàn TCT tăng 164 tỷ đồng chủ yếu do DA mở rộng nâng công suất luyện đồng Lào Cai đã đi vào SX nên toàn bộ chi phí lãi vay của DA đã được tính vào chi phí SX trong kỳ và do lãi suất vay các NHTM tăng cao (132 tỷ đồng), một



phần do năm 2022 tính phí thanh toán L/C upas nội địa vào chi phí tài chính thay vì tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp như năm 2021 (32 tỷ đồng).

Chi phí bán hàng tăng 22 tỷ đồng do tăng chi phí vận chuyển sản phẩm (tăng do giá nhiên liệu, tăng do sản lượng vận chuyển tiêu thụ nhiều hơn)

Chi phí khác tăng 51 tỷ đồng chủ yếu do tăng thu thuế tài nguyên theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Cty CP kim loại màu Thái Nguyên và truy thu tiền thuế đất các năm trước 2022 của Cty CP gang thép Cao Bằng.

3.2. Nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế sau và trước kiểm toán.

ĐVT: triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
BCTC Công ty mẹ	-54.872	57.001	111.873
BCTC hợp nhất toàn TCT	65.101	202.063	136.962

Lợi nhuận sau thuế toàn TCT sau kiểm toán tăng gần 137 tỷ đồng do:

(i) Lợi nhuận trước thuế tăng 89 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là do Cty mẹ rà soát lại các chi phí phát sinh đã hạch toán vào chi phí SX trong kỳ nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán để thực hiện phân bổ lại chi phí làm tăng lợi nhuận 56 tỷ đồng; Cty KLM Thái Nguyên thực hiện phân bổ lại chi phí sửa chữa lớn, chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho làm tăng lợi nhuận 31 tỷ đồng; lợi nhuận các đơn vị khác tăng 2 tỷ đồng.

(ii) Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 48 tỷ đồng do: Cty mẹ tính lại thuế thu nhập doanh nghiệp theo thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm (báo cáo trước kiểm toán chưa tính lại), theo đó thuế TNDN giảm gần 56 tỷ ; thuế thu nhập của các công ty con tăng gần 8 tỷ đồng do tăng lợi nhuận.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- QTK (phối hợp);
- Lưu VT, TCKT.

